

Số: /KL-SYT

Điện Biên, ngày tháng năm 2021

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc thực hiện các quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Điện Biên

Thực hiện Quyết định số 786/QĐ-SYT ngày 24/9/2021 của Sở Y tế tỉnh Điện Biên về thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh đối với bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Điện Biên. Đoàn thanh tra tiến hành thanh tra tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Điện Biên từ ngày 06/10/2021 và kết thúc ngày 29/10/2021.

Xét báo cáo Kết quả thanh tra ngày 12/11/2021 của Trưởng đoàn thanh tra, ý kiến giải trình của Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Điện Biên.

Giám đốc Sở Y tế, kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Điện Biên là đơn vị sự nghiệp y tế, trực thuộc Sở Y tế; là Bệnh viện đầu ngành tuyến tỉnh về khám bệnh, chữa bệnh bằng y, dược cổ truyền.

Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Điện Biên được thành lập theo Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 28/5/1988 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu (nay là tỉnh Điện Biên). Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 612/SYT-GPHĐ ngày 13/8/2014 của Sở Y tế tỉnh Điện Biên.

Là bệnh viện chuyên khoa hạng 3, với quy mô 100 giường. Bệnh viện thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Thông tư số 37/2011/TT-BYT ngày 20/10/2011 của Bộ Y tế, hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bệnh viện Y học cổ truyền tuyến tỉnh.

Tổng số cán bộ, viên chức tính đến ngày 30/6/2021 là 93 người; số cán bộ chuyên môn có Chứng chỉ hành nghề là 71 người.

*** Thuận lợi:**

Bệnh viện luôn được sự quan tâm giúp đỡ của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Sở Y tế đồng thời dưới sự chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy Đảng.

Tập thể lãnh đạo và viên chức bệnh viện luôn đoàn kết thống nhất, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, giao tiếp ứng xử, phấn đấu vươn lên để hoàn thành nhiệm vụ được giao; có môi trường cảnh quang xanh, sạch, đẹp, thân thiện với người bệnh; cơ sở vật chất tương đối khang trang, đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh (KCB).

*** Khó khăn:**

Tình hình dịch bệnh Covid - 19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng lớn đến lưu lượng bệnh nhân vào khám, điều trị tại bệnh viện.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị:

Tổng diện tích của bệnh viện là 11.853,4 m² (năm đưa vào sử dụng 2007).

Trang thiết bị hỗ trợ cho các hoạt động khám chữa bệnh tại bệnh viện trong những năm qua đã được đầu tư nâng cấp, bổ sung các máy móc, thiết bị, cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh. Các trang thiết bị được sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng kịp thời, vận hành an toàn phục vụ tốt công tác khám, chẩn đoán và điều trị.

Bệnh viện có 01 xe ô tô Mitsubishi biển kiểm soát 27M-00021 (năm đưa vào sử dụng 2012) được kiểm định định kỳ, đang hoạt động tốt.

2. Tổ chức bộ máy, biên chế:

* Mô hình tổ chức Bệnh viện Y học cổ truyền gồm:

- Các phòng chức năng: có 04 phòng chức năng (phòng Tổ chức - Hành chính, phòng Tài chính - Kế toán, phòng Kế hoạch tổng hợp - Vật tư trang thiết bị y tế, phòng Điều dưỡng).

- Các khoa chuyên môn: có 09 khoa chuyên môn (khoa Khám bệnh; khoa Phục hồi chức năng; khoa Nội tổng hợp; khoa Châm cứu - dưỡng sinh; khoa Phụ Ngoại; khoa Dinh dưỡng; khoa Dược; khoa Xét nghiệm; khoa Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng).

- 01 tổ Công tác xã hội.

- 01 tổ Kiểm soát nhiễm khuẩn.

* Biên chế:

Tổng số cán bộ, viên chức, nhân viên hợp đồng của Bệnh viện (tính đến 30/6/2021) là 93 người; cụ thể:

TT	Chức danh chuyên môn	Số lượng (người)	Tỷ lệ % (tính trên tổng số)
1	Tổng số cán bộ Y:	26	28
	- Thạc sĩ y khoa	2	2,2
	- Chuyên khoa II	1	1,1
	- Chuyên khoa I	6	6,5
	- Bác sĩ	14	15,1
	- Y sĩ	3	3,2
2	Tổng số cán bộ Dược:	8	8,6
	- Dược sĩ đại học	4	4,3
	- Cao đẳng	4	4,3

TT	Chức danh chuyên môn	Số lượng (người)	Tỷ lệ % (tính trên tổng số)
3	Tổng số cán bộ Điều dưỡng:	31	33,3
	- Đại học điều dưỡng	5	5,4
	- Cao đẳng điều dưỡng	13	14
	- Trung học điều dưỡng	13	14
4	Tổng số Kỹ thuật viên:	7	7,5
	- Đại học	3	3,2
	- Cao đẳng	1	1,1
	- Trung học	3	3,2
6	Tổng số Hộ lý	5	5,4
7	Tổng số các cán bộ khác:	16	17,2
	- Đại học	12	12,9
	- Cao đẳng	1	1,1
	- Trung học	1	1,1
	- Sơ học	2	2,2

* Nhận xét:

- Tổ chức bộ máy của Bệnh viện theo Thông tư số 37/2011/TT-BYT ngày 20/10/2011 của Bộ Y tế:

+ Các phòng chức năng: có 04/7 phòng; bệnh viện thực hiện lồng ghép phòng Tổ chức cán bộ với phòng Hành chính Quản trị, phòng Kế hoạch tổng hợp với phòng Vật tư thiết bị y tế. Hiện tại, chưa có phòng Đào tạo, Nghiên cứu khoa học, Chỉ đạo tuyến;

+ Các khoa chuyên môn: có 09/14 khoa; bệnh viện thực hiện lồng ghép khoa Ngoại tổng hợp với khoa Phụ. Hiện tại, chưa có khoa Hồi sức tích cực – Chống độc, khoa Nhi, khoa Ngũ quan, khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn (đang thực hiện Tổ Kiểm soát nhiễm khuẩn).

- Bệnh viện chưa xây dựng chức năng, nhiệm vụ cụ thể các khoa, phòng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Bộ Y tế.

- Biên chế của đơn vị tính đến ngày 30/6/2021 là 93/95 biên chế được giao (theo Quyết định số 57/QĐ-SYT ngày 22/01/2021 của Sở Y tế tỉnh Điện Biên về Giao số lượng người làm việc và chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP trong các đơn vị sự nghiệp Y tế công lập trực thuộc Sở Y tế tỉnh Điện Biên năm 2021); trong đó: viên chức 91/92 biên chế; hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP là 02/3 biên chế; hiện tại, còn thiếu 02 biên chế.

- Bệnh viện bố trí, sắp xếp nhân lực phù hợp, khoa học với điều kiện, khối lượng công việc tại đơn vị; đảm bảo công tác khám bệnh, chữa bệnh và hoàn thành các chỉ tiêu chuyên môn được giao hằng năm.

- Các chức danh chuyên môn tham gia công tác khám bệnh, chữa bệnh đã được Sở Y tế cấp chứng chỉ hành nghề là 71/77 người (còn 06 người chưa đủ thời gian thực hành).

3. Kết quả thực hiện Khám bệnh, chữa bệnh tại đơn vị năm 2020 và 6 tháng đầu năm 2021:

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I	Năm 2020			
	Tổng số lần khám bệnh	Lượt/người	12.365	
	Tổng số KCB ngoại trú và kê đơn	Lượt/người	10.475	
	Tổng số lượt điều trị nội trú	Lượt/người	1.890	
	Khám chuyển tuyến	Lượt/người	564	
II	6 tháng năm 2021			
	Tổng số lần khám bệnh	Lượt/người	5.637	
	Tổng số KCB ngoại trú và kê đơn	Lượt/người	4.87	
	Tổng số lượt điều trị nội trú	Lượt/người	767	
	Tổng số lượt điều trị ngoại trú (BN đài tháo đường, THA)	Lượt/người	366	
	Khám chuyển tuyến	Lượt/người	161	

* Nhận xét:

- Đơn vị luôn phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu khám, chữa bệnh được giao hằng năm: tổng số lần khám bệnh; kê đơn cấp thuốc; công suất sử dụng giường bệnh; số ngày điều trị khỏi trung bình,...

- Người dân được tạo mọi điều kiện thuận lợi trong khám, chữa bệnh tại bệnh viện.

4. Kết quả thực hiện Quy chế bệnh viện; Quy chế chuyên môn:

4.1. Quy chế Hội:

- Bệnh viện thực hiện giao ban hàng ngày, sơ kết 6 tháng và tổng kết năm theo quy định.

- Các khoa điều trị thực hiện họp Hội đồng người bệnh cấp khoa; họp khoa/phòng hàng tuần, tháng, 6 tháng, năm theo quy định.

4.2. Quy chế vào viện (đón tiếp bệnh nhân):

Bệnh viện triển khai thực hiện cải cách Quy trình khám bệnh tại khoa Khám bệnh, rút ngắn được thời gian chờ đợi của người bệnh. Theo đúng hướng dẫn tại Quyết định số 1313/QĐ-BYT ngày 22/4/2013 của Bộ Y tế.

Tổ chức triển khai thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh, điều trị ngoại trú và kê đơn, điều trị nội trú.

Tổ chức thông tin, truyền thông, tư vấn về chế độ chính sách, những vấn đề có liên quan đến việc KCB cho bệnh nhân.

Công khai các chế độ chính sách y tế liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của người bệnh: chế độ về viện phí; giá dịch vụ về khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT –BYT-BTC; Thông tư số 15/2018/TT-BYT của Bộ Y tế và các văn bản liên quan hướng dẫn thực hiện Thông tư số 15/2018/TT-BYT; việc thực hiện nội quy khám bệnh, chữa bệnh của Bệnh viện. Người bệnh, người nhà người bệnh, được tham gia ý kiến đóng góp qua các buổi sinh hoạt của Hội đồng người bệnh, qua hòm thư góp ý đặt tại các khoa, phòng trong bệnh viện.

4.3. Quy chế thường trực; cấp cứu:

Chế độ thường trực được bệnh viện tổ chức đảm bảo liên tục 24/24 giờ, kịp thời cấp cứu, khám bệnh, chẩn đoán và điều trị ngay cho người bệnh (thường trực lãnh đạo; thường trực lâm sàng; thường trực cận lâm sàng; thường trực hành chính, bảo vệ).

Các phiên thường trực được tổ chức chặt chẽ, có đầy đủ các phương tiện vận chuyển, thiết bị, dụng cụ y tế, thuốc để kịp thời cấp cứu người bệnh.

4.4. Quy chế chẩn đoán bệnh, làm hồ sơ bệnh án, kê đơn điều trị:

Bệnh nhân vào viện được làm hồ sơ bệnh án theo quy định.

Kết quả khám bệnh, chẩn đoán, kê đơn phù hợp với các triệu chứng cơ năng, thực thể, lâm sàng, cận lâm sàng và tiền sử bệnh.

Kê đơn thuốc tại khoa Khám bệnh và khoa điều trị thực hiện theo đúng quy định: ghi đầy đủ các thông tin trong đơn thuốc.

Thuốc dùng phù hợp với chẩn đoán; tên thuốc ghi đầy đủ hàm lượng, đơn vị nồng độ, liều dùng, cách dùng và thời gian dùng; thuốc được ghi trình tự theo quy định.

4.5. Quy chế lưu trữ hồ sơ bệnh án:

Hồ sơ bệnh án được giữ gìn, bảo quản, lưu trữ theo đúng quy định. Bệnh án nội trú, ngoại trú, chuyển viện được hoàn chỉnh các thủ tục hành chính theo quy chế. Quản lý, khai thác sử dụng hồ sơ bệnh án theo đúng quy định. Bệnh viện đã xây dựng quy trình quản lý hồ sơ bệnh án.

4.6. Quy chế chống nhiễm khuẩn bệnh viện:

Công tác chống nhiễm khuẩn được thực hiện đúng quy định về vô khuẩn, khử khuẩn, tiệt khuẩn trong bệnh viện.

Có nơi tập trung chất thải rắn; có đủ thùng chứa rác thải có nắp đậy, được đặt ở hành lang và trên đường đi, thuận tiện sử dụng cho người bệnh và cán bộ viên chức trong Bệnh viện; chất thải được thu gom và xử lý theo đúng quy chế xử lý chất thải.

Tường các buồng phẫu thuật, buồng thủ thuật, buồng xét nghiệm, buồng tiêm được lát gạch men. Khoa, buồng bệnh bảo đảm luôn sạch, đẹp, ngăn nắp; dụng cụ vệ sinh được dùng riêng cho từng khu vực.

Cán bộ, viên chức và người lao động trong bệnh viện bảo đảm vệ sinh cá nhân; mặc quần áo công tác, đội mũ y tế theo quy chế trang phục y tế. Thực hiện đầy đủ việc mở sổ sách theo dõi, phiếu giao nhận đồ, trang phục của bệnh nhân.

4.7. Quy chế công tác xử lý chất thải:

Việc xử lý và kiểm soát chất thải được đơn vị thực hiện và giám sát trong toàn bệnh viện. Nơi tập trung, bể chứa chất thải của bệnh viện theo đúng quy định. Lò đốt chất thải đúng tiêu chuẩn công nghệ, bảo đảm các điều kiện xử lý chất thải. Có sổ sách giao nhận rác thải nguy hại để tiêu huỷ tại lò đốt; có nhật ký vận hành, quy trình hoạt động lò đốt theo quy định. Hồ sơ tài liệu và các thủ tục liên quan đến quy trình thu gom, xử lý chất thải lỏng đảm bảo quy định.

4.8. Công tác quản lý tài sản:

Đơn vị đã xây dựng quy chế quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định, tài sản được theo dõi đầy đủ trên sổ sách kế toán; được bàn giao cho các khoa phòng, cá nhân quản lý, sử dụng theo quy định.

5. Thực hiện công tác Khám sức khỏe và cấp giấy khám sức khỏe

5.1. Các điều kiện khám sức khỏe

- Tại thời điểm kiểm tra, Bệnh viện có đủ hồ sơ theo quy định về việc công bố đơn vị đủ điều kiện khám sức khỏe (KSK); Quyết định bổ sung nhân lực thực hiện khám một số chuyên khoa.

- Cơ sở hạ tầng của Bệnh viện cơ bản đáp ứng được quy định về KSK. Bệnh viện cơ bản có đủ trang thiết bị phục vụ công tác khám và cấp giấy KSK.

- Các bác sĩ thực hiện KSK có chứng chỉ hành nghề (CCHN) theo đúng quy định: các chuyên khoa Nội, Ngoại; một số chuyên khoa khác Bác sĩ có chứng nhận đào tạo của Bệnh viện đa khoa tỉnh và được Sở Y tế bổ sung phạm vi chuyên môn trong CCHN: Răng hàm mặt, Tai mũi họng, Mắt.

- Biểu mẫu giấy KSK tại Bệnh viện thực hiện đúng theo mẫu quy định theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT; Thông tư số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT.

5.2. Kết quả khám sức khỏe:

* Kết quả KSK năm 2020:

- KSK theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT: 4.985 người.

- KSK theo Thông tư số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT:

+ KSK lái xe mô tô: 3.741 người.

+ KSK cấp đổi, định kỳ lái xe ô tô: 3.136 người.

* Kết quả KSK năm 2021 (đến ngày 13/10/2021):

- KSK theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT:

+ KSK học tập, công tác: 7.598 người.

+ KSK định kỳ: 34 người.

- KSK theo Thông tư số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT:
- + KSK lái xe mô tô: 4.098 người.
- + KSK cấp đổi, định kỳ lái xe ô tô: 914 người (cấp đổi: 693 người; định kỳ 221 người).

6. Công tác quản lý dược:

6.1. Nhân lực:

Tổng số cán bộ làm công tác dược tại đơn vị là 08 người (dược sĩ CKI: 02; dược sĩ đại học: 02; dược sỹ cao đẳng 04). Khoa Dược đã phân công nhiệm vụ cho cán bộ khoa, có bảng mô tả cơ cấu tổ chức, quan hệ công tác, quy trình thực hiện nhiệm vụ theo Thông tư 22/2011/TT-BYT quy định chức năng nhiệm vụ của khoa Dược.

6.2. Công tác tiếp nhận, phổ biến thực hiện các văn bản quản lý nhà nước về dược, các quy định chuyên môn về dược trong các cơ sở khám, chữa bệnh:

Bệnh viện đã cập nhật các văn bản chỉ đạo, văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành về Khám bệnh, chữa bệnh; khám bệnh, chữa bệnh BHYT và các văn bản có liên quan; triển khai tổ chức thực hiện các công văn về đình chỉ lưu hành và thu hồi thuốc, mỹ phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng, các công văn về phản ứng có hại và tác dụng không mong muốn của thuốc, công văn đính chính thông tin liên quan tới đầu thầu thuốc, hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế,... đầy đủ, kịp thời.

6.3. Hoạt động Hội đồng thuốc và điều trị

Bệnh viện đã kiện toàn Hội đồng thuốc và điều trị theo Thông tư 21/2013/TT-BYT ngày 08/8/2013 của Bộ Y tế, quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thuốc và điều trị trong bệnh viện: Quyết định số 01/QĐ-BV ngày 04/01/2021, về việc kiện toàn lại Hội đồng thuốc và điều trị, thay thế Quyết định số 67/QĐ-BV ngày 08/4/2020; Quyết định số 02/QĐ-BV ngày 04/01/2021 và Quyết định số 03/QĐ-BV ngày 04/01/2021 về việc thành lập các tiểu ban của Hội đồng thuốc và điều trị.

Hội đồng thuốc và điều trị tổ chức họp định kỳ 2 tháng một lần (*có biên bản họp kèm theo*); có bảng phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Hội đồng; tổ xây dựng danh mục thuốc, giám sát sử dụng thuốc trong bệnh viện; tổ giám sát sử dụng kháng sinh và theo dõi sự kháng thuốc của vi khuẩn; tổ xây dựng hướng dẫn điều trị; tổ giám sát AND và sai sót trong điều trị, giám sát thông tin thuốc. Có sổ bình đơn, bình bệnh án của bệnh viện và của các khoa. Tại thời điểm kiểm tra, có 09 biên bản họp Hội đồng thuốc và điều trị.

Công tác dược lâm sàng, thông tin thuốc và theo dõi phản ứng có hại của thuốc: năm 2020, Bệnh viện đã thực hiện báo cáo phản ứng với thuốc (ADR) là 01 trường hợp.

6.4. Công tác quản lý, sử dụng thuốc trong bệnh viện:

- Năm 2020, đơn vị đã ký kết 81 hợp đồng cung ứng (*gồm các gói thầu tập trung của Sở Y tế, BHYT và đấu thầu mua thuốc tập trung Quốc gia*), kiểm

nhập đúng quy định; cấp phát, kiểm kê, thống kê, tổng hợp báo cáo tương đối đầy đủ, đúng quy định. Có đầy đủ sổ sách theo dõi kiểm kê, kiểm nhập thuốc, hóa chất, vật tư y tế tiêu hao theo đúng quy định tại thông tư 22/2011/TT-BYT; có sổ sách theo dõi thuốc thừa, hư hao, thuốc hết hạn sử dụng; có biên bản hủy thuốc, hóa chất, vật tư y tế tiêu hao theo quy định.

- Tại khoa điều trị: bố trí tủ thuốc trực, tủ thuốc cấp cứu; có đủ thuốc phục vụ cho công tác điều trị; có sổ sách theo dõi thuốc, vật tư y tế, dụng cụ và thực hiện bàn giao hằng ngày theo quy định.

- Khoa Dược thực hiện theo dõi kiểm kê thuốc tại khoa Dược 01 lần/tháng và kiểm kê tủ thuốc trực tại các khoa 01 lần/3 tháng theo quy định tại Thông tư 22/2011/QĐ-BYT (thể hiện trên sổ theo dõi). Công tác bảo quản, lưu trữ hồ sơ báo cáo đầy đủ.

- Công tác quản lý, sử dụng thuốc tại Bệnh viện thực hiện theo quy định, sử dụng thuốc phù hợp với chẩn đoán bệnh, kết quả cận lâm sàng, độ tuổi, cân nặng, tình trạng và cơ địa người bệnh; chỉ sử dụng thuốc khi thật sự cần thiết, đúng mục đích, ít tốn kém và hiệu quả nhất.

- Đơn vị đã công bố thực hành tốt bảo quản thuốc (GSP) tại các kho thuốc. Cán bộ khoa Dược được phổ biến, tập huấn nội quy, quy chế, các quy trình thực hiện thực hành tốt bảo quản thuốc.

*** Kết quả quản lý, sử dụng thuốc**

Đơn vị tính: VNĐ

Số T T	Nội dung	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Tổng nhập	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
I	Năm 2020	623.311.951	5.953.327.318	6.576.639.269	5.768.393.827	703.881.794
1	Thuốc	371.483.198	4.972.397.094	5.343.880.292	4.768.512.922	471.003.722
2	Sinh phẩm	25.413.326	223.025.800	248.439.126	209.539.948	38.899.178
3	Vật tư	226.330.427	595.613.434	821.943.861	628.049.967	193.893.894
4	Hóa chất	85.000	162.290.990	162.375.990	162.290.990	85.000
II	Năm 2021	623.255.737	2.750.354.056	3.373.609.793	2.338.627.895	1.034.981.898
1	Thuốc	471.003.773	2.288.956.116	2.759.959.889	1.963.598.556	796.361.333
2	Sinh phẩm	38.899.178	41.380.000	80.279.178	63.410.484	16.868.694
3	Vật tư	113.267.786	382.267.940	495.535.726	273.868.855	221.666.871
4	Hóa chất	85.000	37.750.000	37.835.000	37.750.000	85.000

*** Công tác tạm ứng, thanh quyết toán**

- Tổng số tiền BHXH tỉnh, UBND huyện chuyển tạm ứng cho đơn vị năm 2020: 15.150.000.000 VNĐ, 6 tháng đầu năm 2021: 7.400.000.000 VNĐ.

- Tổng số tiền đơn vị chuyển trả nhà thầu cung ứng năm 2020: 6.500.713.653 VNĐ; 6 tháng đầu năm 2021: 4.010.393.003 VNĐ.

- Tổng số tiền nợ đọng của đơn vị đối với các nhà thầu cung ứng năm 2020: 3.319.458.498 VNĐ; 6 tháng đầu năm 2021: 2.163.905.537VNĐ.

Nguyên nhân nợ đọng: Do một số nhà cung ứng chậm hoàn thiện hồ sơ đề thanh quyết toán (*có nhà cung ứng hoàn thiện nhưng còn sai sót, phải làm đi làm lại nhiều lần*) dẫn đến thanh toán chậm.

Việc đối chiếu công nợ với nhà thầu cung ứng: Một số công ty còn chậm trễ, không đúng tiến độ.

6.5. Công tác quản lý sử dụng thuốc gây nghiện “N”, thuốc hướng tâm thần “H” và tiền chất dùng làm thuốc.

- Có đầy đủ sổ theo dõi theo quy định: sổ theo dõi nhập, xuất, tồn kho thuốc gây nghiện “N”, hướng tâm thần “H”, sổ sách theo dõi thuốc thừa, hư hao, thuốc hết hạn sử dụng.

- Thực hiện kiểm soát chất lượng thuốc gây nghiện “N”, hướng tâm thần “H” đầy đủ, theo quy định.

6.6. Công tác dược lâm sàng, thông tin thuốc và theo dõi phản ứng có hại của thuốc:

Đơn vị đã phân công 01 dược sĩ đại học phụ trách công tác dược lâm sàng. Thực hiện báo cáo các trường hợp ADR: Năm 2020, có 01 ca báo cáo phản ứng có hại của thuốc (thuốc Optixitin & Paratrian); Năm 2021, có 0 ca. Lưu báo cáo ADR theo quy định.

6.7. Công tác thực hành tốt bảo quản thuốc - GSP:

- Thực hiện bảo quản thuốc, hóa chất, vật tư y tế tại khoa Dược bằng phần mềm theo dõi nhiệt độ độ ẩm. Tại thời điểm kiểm tra, nhiệt độ, độ ẩm tại các kho đáp ứng theo quy định; vệ sinh kho tương đối sạch sẽ; hệ thống kho thông thoáng, có trang bị tủ, giá, kệ, quạt, điều hòa, máy hút ẩm.

- Sắp xếp thuốc, vật tư trong kho hợp lý, dễ theo dõi hạn sử dụng, thuận tiện cho vận chuyển và cấp phát; đảm bảo an ninh. Có nội quy, phương tiện phòng cháy, chữa cháy. Sổ sách, chứng từ xuất, nhập, cung ứng thuốc, hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế được ghi chép đúng quy định và có kiểm soát.

7. Việc triển khai các hoạt động giáo dục y đức, nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ người bệnh; thực hiện quy tắc ứng xử, kỹ năng giao tiếp với người bệnh; Việc tự kiểm tra, đánh giá thực hiện Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện; đánh giá mức độ hài lòng của người bệnh điều trị nội trú, ngoại trú, cán bộ y tế theo quy định của Bộ Y tế:

- Đơn vị đã xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện Quy tắc ứng xử của cán bộ viên chức trong các đơn vị sự nghiệp y tế, Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2014/TT - BYT của Bộ Y tế; Quy định về chế độ giao tiếp và 12 điều Y đức do Bộ Y tế Ban hành.

- Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ hướng tới sự hài lòng của người bệnh”; Tổ chức thực hiện các hoạt động và phát

động các phong trào thi đua lập thành tích thiết thực chào mừng kỷ niệm các ngày Lễ lớn trong năm.

- Triển khai nghiêm túc học tập Nghị quyết, thực hiện Kế hoạch học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh cho toàn thể CBVC bệnh viện.

* Kết quả: Trong năm 2020 và 6 tháng đầu năm 2021, không có phản ảnh nào của người dân qua đường dây nóng hoặc phản ảnh trực tiếp đến Ban giám đốc về thái độ làm việc và thực hiện các nhiệm vụ của viên chức bệnh viện.

* Kết quả kiểm tra, đánh giá thực hiện Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện; đánh giá mức độ hài lòng của người bệnh điều trị nội trú, ngoại trú, cán bộ y tế theo quy định của Bộ Y tế:

- Điểm đánh giá theo Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện:

+ Năm 2020: Tổng số điểm chung của các tiêu chí là 3.22 điểm;

+ Đến 30/6/2021: Tổng số điểm chung của các tiêu chí là 3.22 điểm.

- Điểm đánh giá hài lòng người bệnh nội trú, ngoại trú và nhân viên y tế

TT	Tỷ lệ hài lòng chung	Khảo sát ý kiến người bệnh nội trú	Khảo sát ý kiến người bệnh ngoại trú	Khảo sát ý kiến NVYT
1	Năm 2020	100%	96,7%	99,5%
2	Đến 30/6/2021	99,7%	100 %	99,8%

8. Ứng dụng công nghệ thông tin và tự động hóa trong quy trình tiếp nhận, khám bệnh, quản lý người bệnh nằm viện, quản lý hồ sơ bệnh án; phần mềm quản lý KCB BHYT phục vụ công tác theo dõi, báo cáo, thanh quyết toán chi phí KCB BHYT.

- Đơn vị đã chủ động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ mới, các tiến bộ kỹ thuật về chẩn đoán hình ảnh, xét nghiệm và công nghệ thông tin, tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật mới, ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ cao trong khám, điều trị Y học cổ truyền, phục hồi chức năng và phòng bệnh.

- Thực hiện công tác liên thông trích chuyển dữ liệu khám chữa bệnh lên hệ thống thông tin giám định BHYT của BHXH Việt Nam. Thực hiện triết xuất đầy đủ dữ liệu đầu ra theo quy định tại Quyết định số 4210/QĐ-BYT ngày 20/9/2017 của Bộ Y tế.

9. Công tác tổ chức triển khai tiếp nhận và xử lý thông tin các ý kiến của người bệnh qua hòm thư góp ý, đường dây nóng và các kênh thông tin khác:

Thiết lập bộ phận tiếp dân để giải quyết kịp thời những thắc mắc, khiếu nại của người bệnh về BHYT; triển khai thực hiện các biện pháp hỗ trợ người bệnh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

* Công tác tổ chức triển khai quản lý hòm thư góp ý, đường dây nóng theo quy định.

- Bệnh viện có các hòm thư góp ý đặt tại khoa Khám bệnh và các khoa điều trị; thực hiện mở và lập biên bản mở hòm thư góp ý khi có thư góp ý của

nhân dân và mở hàng tuần theo quy định; lập sổ theo dõi để tiếp thu những thắc mắc, khiếu nại được góp ý từ nhân dân; qua đó, giải quyết khắc phục những tồn tại hạn chế về thái độ, lề lối làm việc, ứng xử của nhân viên y tế, các chế độ dịch vụ, dịch vụ kỹ thuật trong khám, chữa bệnh.

- Thực hiện niêm yết công khai thông tin đường dây nóng tại nơi người bệnh và người nhà người bệnh dễ thấy: nơi tiếp đón, khoa Khám bệnh; các khoa điều trị, khoa cận lâm sàng.

- Tại khoa Khám bệnh, các y bác sỹ đã xử lý kịp thời, phối hợp tốt với cơ quan BHXH để giải đáp thắc mắc, kiến nghị của công dân về thủ tục, khắc phục các lỗi in sai, in nhầm thông tin trên thẻ BHYT của công dân.

** Công tác xã hội và truyền thông GDSK:*

- Công tác xã hội: Bệnh viện thành lập Tổ Công tác xã hội để hỗ trợ, tư vấn giải quyết các vấn đề về KCB cho người bệnh, người nhà người bệnh.

- Kết quả thực hiện: Hỏi thăm, hỗ trợ, chia sẻ, động viên các bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn, neo đơn tổng số tiền 9.700.000 đồng (*chín triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn*). Vận động, kết nối, kêu gọi các tổ chức từ thiện đến làm công tác từ thiện, ủng hộ y bác sỹ: 10.600 khẩu trang, 1.200 bộ quần áo chống dịch, 2.000 đôi găng tay sạch. Phối hợp với Chùa Linh Sơn, chi đoàn TNCS HCM duy trì tốt chương trình “nồi cháo từ thiện” vào sáng thứ 3 và thứ 5 hàng tuần tại viện, với tổng số 10.680 suất cháo; 220 suất cơm thiện nguyện. Xin hỗ trợ 10 xe lăn của Hội Bảo trợ người tàn tật, người mù tỉnh Điện Biên. Duy trì chương trình “Tủ quần áo từ thiện” với trên 500 bộ quần áo được chia sẻ cho người bệnh có hoàn cảnh khó khăn tại Bệnh viện. Xây dựng nội dung, quảng bá hình ảnh, các hoạt động, dịch vụ của Bệnh viện. Duy trì việc hỗ trợ một phần bữa ăn cho bệnh nhân nghèo vùng sâu, vùng xa đặc biệt khó khăn đến điều trị tại Bệnh viện.

- Công tác truyền thông GDSK: được đơn vị thực hiện bằng nhiều hình thức, với các nội dung truyền thông, hướng dẫn về sàng lọc, phân luồng người bệnh đến khám và điều trị tại bệnh viện trong phòng chống covid-19; hướng dẫn, chỉ dẫn, tư vấn, tuyên truyền trực tiếp cho 32.000 lượt người bệnh về quy trình khám, chữa bệnh, chế độ chính sách, quyền lợi, nghĩa vụ,... Lồng ghép vào các cuộc họp Hội đồng người bệnh, tuyên truyền việc thực hiện quyền nghĩa vụ của người bệnh, các chế độ chính sách và việc đồng bộ giá dịch vụ khám, chữa bệnh theo Thông tư 13, 14/2019/TT-BYT. Viết 100 tin, bài tuyên truyền giáo dục sức khỏe bằng Y học cổ truyền và Y học hiện đại.

10. Kết quả tổ chức khám bệnh, chữa bệnh BHYT:

- Tổng chi phí KCB BHYT đơn vị được quyết toán năm 2020 là: 12.361 lượt với số tiền: 14.188.615.696 đồng.

Trong đó: + Ngoại trú là: 10.472 lượt, số tiền: 2.830.786.100 đồng;

+ Nội trú là: 1.889 lượt; số tiền: 11.357.829.596 đồng.

Chi phí bình quân một lượt KCB ngoại trú là: 285.495 đồng; nội trú là: 6.308.622 đồng.

- Tổng chi phí KCB BHYT đơn vị được quyết toán 6 tháng đầu năm 2021 là: 5.636 lượt với số tiền: 5.282.407.998 đồng.

Trong đó: + Ngoại trú là: 4.868 lượt; số tiền: 1.301.429.643 đồng;

+ Nội trú là: 768 lượt; số tiền: 3.980.978.355 đồng.

Chi phí bình quân một lượt KCB ngoại trú là: 295.160 đồng, nội trú là: 5.448.268 đồng.

Trong quá trình tổ chức thực hiện hợp đồng KCB BHYT, Bệnh viện Y học cổ truyền đã cơ bản thực hiện tốt các quy định của Luật BHYT và các văn bản hiện hành; sử dụng quỹ KCB an toàn, hiệu quả, năm 2020 không vượt tổng mức thanh toán. Tuy nhiên, kết quả kiểm tra còn một số tồn tại, hạn chế, vướng mắc về thủ tục hành chính, chỉ định dịch vụ kỹ thuật (DVKT), thuốc, VTYT.

III. KẾT LUẬN

1. Những mặt làm được:

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ chuyên môn đáp ứng cơ bản nhu cầu KCB. Trang thiết bị được quản lý, sử dụng đảm bảo theo đúng quy định, đem lại hiệu quả trong công tác khám, chẩn đoán, điều trị cho bệnh nhân và phục vụ các hoạt động của đơn vị. Trang thiết bị được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ; kịp thời sửa chữa khi có hư hỏng; xây dựng quy trình quản lý, bảo dưỡng trang thiết bị; quy trình sửa chữa, khắc phục sự cố về máy móc, thiết bị; có kế hoạch bảo dưỡng định kỳ trang thiết bị hằng năm.

- Biên chế, nhân lực tham gia KCB: Cơ bản đáp ứng về số lượng theo chỉ tiêu kế hoạch được giao. Các chức danh chuyên môn tham gia công tác khám bệnh, chữa bệnh đã được Sở Y tế cấp chứng chỉ hành nghề theo đúng quy định.

- Kết quả thực hiện khám bệnh, chữa bệnh: Đơn vị luôn hoàn thành chỉ tiêu KCB được giao hằng năm (tổng số lần khám bệnh; kê đơn cấp thuốc; công suất sử dụng giường bệnh; số ngày điều trị khỏi trung bình,...). Người dân được tạo mọi điều kiện thuận lợi trong khám, chữa bệnh tại bệnh viện.

- Thực hiện quy chế bệnh viện, quy chế chuyên môn (theo quy định tại Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT, ngày 19/9/1997 của Bộ Y tế): Đơn vị đã triển khai và thực hiện các quy định theo quy chế bệnh viện, quy chế chuyên môn như Quy chế thường trực; cấp cứu; Quy chế chẩn đoán, chỉ định, làm hồ sơ bệnh án và kê đơn điều trị; Quy chế hội chẩn; Quy chế chăm sóc người bệnh; Công tác kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện; Thực hiện quy định về y đức; Thực hiện quy định về quyền lợi và nghĩa vụ của người bệnh;...

- Thường xuyên làm tốt công tác giáo dục, tuyên truyền để mọi cán bộ, nhân viên y tế có nhận thức sâu sắc và thực hiện đúng 12 điều y đức của Bộ Y tế ban hành; thực hiện “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh” và cơ sở y tế “Xanh - Sạch - Đẹp”.

- Bệnh nhân hài lòng khi đến KCB tại bệnh viện; Không có đơn thư phản ánh về tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ y tế.

- Công tác quản lý dược: Thành lập Hội đồng thuốc và điều trị, tham mưu cho đơn vị trong việc xây dựng, lựa chọn danh mục thuốc, hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế tiêu hao đầu thầu, sử dụng trong bệnh viện; đảm cung ứng thuốc đầy đủ, đáp ứng kịp thời nhu cầu khám, chữa bệnh và phòng chống dịch trên địa bàn; công tác bảo quản thuốc tại đơn vị đúng theo quy định. Đã thực hiện GSP theo Thông tư số 36/2018/TT-BYT ngày 22/11/2018 của Bộ Y tế.

- Công tác khám, chữa bệnh BHYT:

+ Tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về KCB và bảo hiểm y tế. Các công văn chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến KCB BHYT của Sở Y tế, BHXH tỉnh được đơn vị triển khai kịp thời và đầy đủ.

+ Thực hiện ký hợp đồng KCB giữa đơn vị với cơ quan BHXH tỉnh. Phối hợp tốt với cơ quan BHXH huyện trong công tác tổ chức KCB cho đối tượng tham gia BHYT trên địa bàn; phối hợp giao ban theo quý, đánh giá kết quả đạt được, những khó khăn, vướng mắc và giải pháp giải quyết những khó khăn, tồn tại hoặc cùng kiến nghị cơ quan có thẩm quyền cấp trên hướng dẫn thực hiện.

+ Thực hiện tốt cải cách các thủ tục hành chính, không gây phiền hà cho người bệnh đến KCB: cải cách quy trình khám chữa bệnh theo Quyết định số 1313/QĐ-BYT ngày 22/4/2013 của Bộ Y tế, giảm bớt thời gian chờ đợi của người bệnh; thực hiện tốt quy trình tiếp đón, khám bệnh, kê đơn điều trị ngoại trú, nội trú, đảm bảo quyền lợi cho người bệnh tham gia BHYT.

+ Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý KCB, kê đơn, chỉ định sử dụng thuốc, chỉ định dịch vụ kỹ thuật, thủ thuật, xét nghiệm, đáp ứng kịp thời công tác báo cáo, tổng hợp, thanh quyết toán với cơ quan BHXH.

2. Những tồn tại, hạn chế:

*** Một số tồn tại thực hiện Quy chế bệnh viện; Quy chế chuyên môn:**

- Bệnh viện chưa lập Sổ giao ban hàng ngày của Bệnh viện; chưa có Sổ họp Ban giám đốc hàng tuần; chưa có Sổ họp cán bộ chủ chốt toàn bệnh viện hàng tháng (theo Quy chế Bệnh viện 1895/1997/QĐ-BYT).

- Các khoa không thực hiện họp điều dưỡng khoa hàng tuần theo quy định.

- Thực hiện họp Hội đồng người bệnh cấp khoa chưa đảm bảo theo quy định: họp 02 tuần/lần (theo quy định họp hàng tuần vào chiều thứ 6). Một số buổi họp Hội đồng người bệnh, chưa ghi đầy đủ chức danh người chủ trì họp (khoa Phụ Ngoại); Số lượng người bệnh, người nhà người bệnh tham gia họp Hội đồng người bệnh nhiều hơn số lượng bệnh nhân điều trị tại khoa? (cuộc họp ngày 10/6/2021 tại khoa Châm cứu - dưỡng sinh).

- Các khoa chưa thực hiện việc xây dựng Bảng mã ICD-10 và Phác đồ chẩn đoán, điều trị các bệnh thường gặp tại các khoa.

- Phòng khám số 3 (*Khám Răng hàm mặt*) tại khoa Khám bệnh: Quy trình KCB các bệnh về răng chưa được cập nhật theo hướng dẫn mới của Bộ Y tế (*hiện đang niêm yết Quy trình hàn răng bằng Amalgam*).

- Bảng giá dịch vụ KCB, khám và cấp giấy khám sức khỏe chưa trích dẫn theo nội dung văn bản của UBND tỉnh quy định về giá dịch vụ KCB (*để làm cơ sở cho người dân tra cứu*).

- Ghế khám răng, máy X-quang chưa có nhật ký sử dụng máy theo quy định (*máy có từ 02 người sử dụng trở lên*).

- Bác sĩ tại khoa Khám bệnh làm việc chưa theo đúng quyết định phân công nhiệm vụ của lãnh đạo Bệnh viện: Bs Đặng Thị Việt Hương, thực hiện nhiệm vụ tại 02 Phòng khám: số 1 và số 4.

- Trưởng các khoa lâm sàng, chưa có lịch phân công nhiệm vụ cho bác sĩ thực hiện KCB, KSK tại khoa Khám bệnh theo quyết định phân công nhiệm vụ của lãnh đạo Bệnh viện: Bs Đinh Danh Sáng, Bs Lý Bun My, Bs Nguyễn Thị Nhung, Bs Nguyễn Thị Hải Yên, Bs Trương Thị Hải Lan.

- Bác sĩ chỉ định giờ dùng thuốc chưa rõ ràng về thời gian: chỉ định dùng sáng - trưa - tối (khoa Khám bệnh).

- Một số đơn thuốc, Bác sĩ kê đơn không đúng phạm vi chuyên môn ghi trên chứng chỉ hành nghề và quyết định phân công nhiệm vụ của lãnh đạo Bệnh viện: Bs Đặng Thị Việt Hương, kê đơn Nội khoa.

- Tại thời điểm kiểm tra: Phòng cấp cứu Bệnh viện không có bộ đặt nội khí quản; thiết bị làm ấm ô xy tại máy tạo ô xy và các bình ô xy không được vệ sinh và lau khô theo quy định. Không có biển chỉ dẫn/mũi tên chỉ dẫn đến vị trí phòng Cấp cứu; phòng Cấp cứu không có đèn báo vào ban đêm (*không có điện, dây điện, công tắc bị hỏng*). Việc bố trí phòng Cấp cứu của bệnh viện tại khoa Phục hồi chức năng chưa phù hợp với yêu cầu cấp cứu (phòng Cấp cứu phải được bố trí tại khoa Khám bệnh).

- Một số tài sản chưa được gắn thẻ tài sản hoặc có nhưng đã mờ (không rõ thông tin trên thẻ). Một số khoa, bàn giao tài sản cho cá nhân để quản lý, sử dụng chưa căn cứ vào biên bản kiểm kê tài sản của đơn vị; một số tài sản đã được thanh lý, vẫn còn danh mục trong sổ, biên bản bàn giao.

- Công tác lưu giữ hồ sơ bệnh án:

+ Kho lưu giữ hồ sơ bệnh án chưa phân khu vực lưu giữ các loại bệnh án; chưa có nội quy kho; chưa có hệ thống phòng cháy chữa cháy.

+ Quy trình quản lý hồ sơ bệnh án chưa cập nhật văn bản mới (Thông tư 53/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế quy định về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu chuyên môn ngành y tế); do vậy, thời gian lưu hồ sơ bệnh án trong Quy trình nội dung lưu bệnh án tử vong 20 năm là chưa đúng (30 năm).

+ Mượn hồ sơ bệnh án: Năm 2020, có 30 hồ sơ bệnh án được cho mượn để phô tô. Kết quả kiểm tra: đơn của Lê Đình Dũng, không có phê duyệt của lãnh đạo đơn vị; Giấy giới thiệu của Nguyễn Tuấn Anh, nội dung ghi là Giám định sức khỏe; có 03 người mượn hồ sơ bệnh án không có đơn đề nghị: Vương Thị Thơ, phô tô bệnh án Vương Thị Sứ; Nguyễn Ngọc Mai phô tô bệnh án Nguyễn Thị Lý; Hà Thị Thắm phô tô bệnh án Nguyễn Quang Vinh. Năm 2021,

có 08 hồ sơ bệnh án được cho mượn để phô tô, danh sách người mượn ký nhận không đầy đủ.

+ Hoàn thiện hồ sơ bệnh án ra viện: một số khoa, tổng kết hồ sơ bệnh án khi bệnh nhân ra viện chưa đúng quy định về thời gian, một số bệnh án sau 48 - 72 giờ chưa hoàn thiện (*theo quy định, trong 24 giờ phải hoàn chỉnh các thủ tục hành chính hồ sơ bệnh án, chuyển đến phòng Kế hoạch tổng hợp*).

- Nội dung báo cáo công tác điều dưỡng hàng năm chưa đầy đủ, chưa chi tiết theo nội dung kế hoạch đề ra. Một số cuộc họp Hội đồng người bệnh cấp bệnh viện chưa có lãnh đạo bệnh viện tham dự theo quy định.

- Tại tổ Kiểm soát nhiễm khuẩn, phân loại rác thải tái chế vào rác thải sinh hoạt chưa đúng quy định: chai dịch truyền đưa ra rác thải sinh hoạt. Đơn vị chưa thực hiện ký hợp đồng thu mua rác thải tái chế với tổ chức đủ điều kiện để xử lý rác thải theo quy định.

*** Một số tồn tại thực hiện công tác Khám sức khỏe và cấp giấy khám sức khỏe:**

Tại thời điểm kiểm tra, công tác KSK có một số tồn tại:

- Chuyên khoa thực hiện KSK chưa đầy đủ theo quy định về việc khám, cấp Giấy KSK: Chuyên khoa Tâm thần.

- Tại khoa Khám bệnh: có 02 quy trình KSK khác nhau; trong đó có một quy trình đã cũ (dễ gây khó hiểu cho người đến KSK).

- Bác sĩ được giao nhiệm vụ KSK chưa thực hiện đúng chuyên khoa ghi trên CCHN hoặc chưa theo đúng phân công của Bệnh viện. Ghi kết quả khám của các chuyên khoa chưa rõ ràng, không đầy đủ thông tin (*ghi: bt*). Thực hiện mẫu xét nghiệm ma túy cho người lái xe mô tô chưa đúng quy định (*bắt buộc xét nghiệm 04 loại ma túy*): thực hiện xét nghiệm 01 loại (Morphin/Heroin).

*** Một số tồn tại trong công tác quản lý dược:**

- Sổ họp Hội đồng thuốc và điều trị chưa ghi rõ đầy đủ thành phần tham dự; chưa ký tên theo mẫu quy định.

- Sổ bình đơn thuốc: Biên bản bình bệnh án ngoại trú của khoa Khám bệnh còn mang tính hình thức: Tất cả các đơn thuốc trong sổ bình đơn chưa ký tên bác sỹ khám bệnh, người bệnh, người cấp phát, người kê đơn. Nội dung bình đơn thuốc còn sơ sài; nội dung phân tích đơn thuốc không có (*đơn thuốc của Đỗ Thị Loan, ngày 06/7/2021*).

- Sổ bình bệnh án:

+ Năm 2020, thực hiện bình 10 bệnh án. Kết quả xem xét: nội dung biên bản bình bệnh án tháng 4, tháng 11, không ghi thời gian bình bệnh án; bình bệnh án tháng 9, Chủ trì không nhận xét, không kết luận; tháng 10, tháng 12 không thực hiện bình bệnh án; các bệnh án bình, nội dung kết luận không đánh giá được ưu điểm, tồn tại trong quy trình khám, điều trị bệnh.

+ Năm 2021: đến thời điểm thanh tra, bệnh viện thực hiện bình 09 bệnh án; nội dung bình bệnh án tháng 8, tháng 9, thông tin ghi không đầy đủ: không có thông tin chẩn đoán đầu vào.

- Kho thuốc nội trú – tân dược: đề lẫn thuốc và vật tư, phương tiện phòng hộ. Tủ lạnh, chưa có nhiệt kế theo dõi nhiệt độ.

- Kế hoạch sử dụng thuốc năm 2019-2020, gồm 273 mặt hàng với giá trị 18.025.000.000 đồng; tuy nhiên, kết quả sử dụng đạt 60% theo kế hoạch. Tại thời điểm kiểm tra, chưa có đủ thanh lý hợp đồng mua sắm thuốc, hóa chất, sinh phẩm, vật tư, phương tiện phòng hộ năm 2020.

- Danh mục thuốc tủ trực các khoa chưa cập nhật kịp thời (chủng loại thuốc, số lượng thuốc).

- Mua ngoài thầu: Bệnh viện thực hiện mua 09 danh mục thuốc, với tổng giá trị là 23.662.200 VNĐ; 01 danh mục sinh phẩm, với tổng giá trị là 24.750.000 VNĐ (*tại thời điểm kiểm tra, thiếu 01 báo giá*).

- Kho nội trú (tân dược-vật tư): một số thuốc sắp hết hạn: Ephedrin (30mg/ml; số lô 4303445; hạn dùng 14/11/2021) số lượng: 10 ống.

- Khoa phục hồi chức năng: không có tủ thuốc trực hàng ngày (*có biên bản thu hồi cơ sở thuốc của tủ trực*). Khoa cấp cứu: Sổ theo dõi bàn giao thuốc trực hàng ngày không có thuốc Nifedipin.

- Chưa có sổ theo dõi nhiệt độ, độ ẩm tại các kho theo quy định.

- Nội quy kho, quy trình kho chưa niêm yết bên ngoài cửa kho để bệnh nhân theo dõi và chấp hành.

*** Một số tồn tại trong tổ chức khám bệnh, chữa bệnh BHYT:**

- Về Thủ tục hành chính:

Trên trường dữ liệu XML123, một số bệnh nhân trường dữ liệu “mã bác sỹ” là điều dưỡng ra y lệnh thuốc, y lệnh làm thủ thuật, trường “liều dùng” định dạng ghi chưa đầy đủ, chưa đúng theo quy định theo Quyết định 4210/QĐ-BYT ngày 20/9/2017 của Bộ Y tế về việc quy định chuẩn về định dạng dữ liệu đầu ra sử dụng trong quản lý, giám định, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh BHYT.

Một số hồ sơ cơ sở KCB nhập mã vào viện chưa đúng quy định tại Quyết định 4210/QĐ-BYT (*sai mã thông tuyến, đúng tuyến*); một số chỉ tiêu mô tả diễn biến bệnh, cách thức phẫu thuật,... chưa có trên XML; giờ phát sinh chi phí và tên cán bộ y tế trên XML và hồ sơ bệnh án giấy không thống nhất; tỷ lệ hồ sơ gửi đề nghị giám định còn thấp.

Một số hồ sơ mã bệnh trên biểu 01/BV không khớp với dữ liệu trên công giám định, còn thiếu mã bệnh.

- Sử dụng thanh toán thuốc BHYT:

Chỉ định thuốc Phong liều tràng vị khang, không đúng theo quy định tại thông tư 30/2018/TT-BYT ngày 30/10/2018 của Bộ Y tế. Thuốc tràng vị khang thanh toán trong giới hạn chỉ định điều trị viêm đại tràng mạn tính, đơn vị chỉ định chẩn đoán viêm dạ dày tá tràng số tiền: **2.629.289** đồng (*Phụ lục 01*).

- Chỉ định thanh toán DVKT:

Năm 2020, đơn vị thanh toán DVKT phẫu thuật cắt trĩ kinh điển, trên hồ sơ bệnh án chỉ định phẫu thuật theo phương pháp gây tê nhưng áp giá gây mê chưa đúng theo công văn số 1163/BHXXH-CSYT hướng dẫn thanh toán tạm thời đối với phẫu thuật sử dụng phương pháp vô cảm gây tê chưa được quy định giá; số tiền chênh lệch thanh toán chưa đúng quy định là: **3.968.276** đồng (*Phụ lục 02*).

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế:

- Lãnh đạo bệnh viện chưa đôn đốc các bộ phận liên quan xây dựng chức năng, nhiệm vụ cụ thể các khoa, phòng trình Sở Y tế phê duyệt theo quy định của Bộ Y tế.

- Những tồn tại về thực hiện Quy chế bệnh viện, Quy chế chuyên môn và KCB BHYT: các bác sỹ thực hiện công tác chuyên môn, khám, điều trị bệnh nhân chưa quan tâm việc chấp hành nghiêm túc Quy chế bệnh viện, Quy chế chuyên môn theo quy định của Bộ Y tế và các quy định về KCB BHYT.

- Các phòng chức năng chưa thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên việc chấp hành Quy chế bệnh viện, Quy chế chuyên môn của các khoa chuyên môn và viên chức bệnh viện.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Trong quá trình thanh tra, Đoàn thanh tra đã hướng dẫn đơn vị, các khoa/phòng các nội dung liên quan đến các tồn tại để đơn vị, khoa/phòng khắc phục và thực hiện tốt hơn.

V. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Yêu cầu đối với Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Điện Biên:

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế bệnh viện, Quy chế chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh tại đơn vị; thực hiện nghiêm túc, đúng quy định công tác khám sức khỏe và cấp giấy chứng nhận khám sức khỏe .

- Lập hồ sơ, trình Sở Y tế cấp lại giấy phép hoạt động của đơn vị, do có thay đổi về cơ cấu tổ chức, quy mô hoạt động (*từ 08 khoa lên 09 khoa*). Xây dựng chức năng, nhiệm vụ cụ thể của các khoa, phòng trình Sở Y tế phê duyệt.

- Đơn vị rà soát tài sản hư hỏng, không thể khắc phục và không sử dụng được, thực hiện các thủ tục trình cấp thẩm quyền phê duyệt thanh lý theo quy định. Xây dựng kế hoạch thực hiện việc kiểm định máy X-quang (*giá trị đến 28/02/2020*) để cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ đảm bảo thời gian quy định (*giá trị đến 10/12/2021*)

- Tăng cường hơn nữa công tác chỉ đạo quản lý, sử dụng Quỹ KCB-BHYT. Chỉ đạo bộ phận chuyên môn chỉ định sử dụng và thanh toán thuốc, dịch vụ kỹ thuật an toàn, hiệu quả, hợp lý theo đúng quy định. Kiểm tra, rà soát việc đẩy mã số chứng chỉ hành nghề trên hồ sơ XML đúng và khớp với thời gian chỉ định thực tế của các Bác sỹ; đẩy trường dữ liệu (*Liều dùng*) định dạng (*không xác định; tiêm*) theo đúng Quyết định 4210/QĐ-BYT ngày 20/9/2017 của Bộ Y tế.

Bệnh viện khắc phục ngay những tồn tại nêu trong Kết luận thanh tra: mục 3.2, phần III.

2. Đề nghị với cơ quan BHXH tỉnh Điện Biên:

Thu hồi vào quỹ KCB của cơ quan BHXH số tiền 6.597.565 đồng (*Bằng chữ: Sáu triệu, năm trăm chín mươi bảy nghìn, năm trăm sáu mươi lăm đồng*). Lý do: thanh toán chi phí KCB-BHYT chưa đúng quy định, năm 2020 (*chi tiết theo Phụ lục 01; Phụ lục 02*).

Trên đây là Kết luận thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Điện Biên. Giám đốc Sở Y tế yêu cầu Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Điện Biên công khai Kết luận thanh tra tại đơn vị; đồng thời nghiêm túc thực hiện những nội dung kết luận, kiến nghị trong công tác KCB tại đơn vị; khắc phục những tồn tại nêu trên và báo cáo kết quả thực hiện Kết luận thanh tra về Sở Y tế (Thanh tra sở) trước ngày 20/12/2021./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh Điện Biên;
- Các phòng chức năng Sở Y tế;
- Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Điện Biên;
- Cổng thông tin điện tử Sở Y tế;
- Lưu: VT; Thanh tra.

GIÁM ĐỐC

Phạm Giang Nam

Phụ lục 1:**SỬ DỤNG THANH TOÁN THUỐC BHYT**

HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	MÃ THẺ	THÀNH TIỀN (đồng)	t_bhtt_dtl (đồng)
PHẠM HẢI LÝ	1962-03-28	1	HT3111296000989	119.280	113.316
BÙI THỊ MAI	1960-02-01	2	HT3111297007538	17.892	16.997
BÙI THỊ MAI	1960-02-01	2	HT3111297007538	17.892	16.997
BÙI THỊ MAI	1960-02-01	2	HT3111297007538	17.892	16.997
BÙI THỊ MAI	1960-02-01	2	HT3111297007538	17.892	16.997
BÙI THỊ MAI	1960-02-01	2	HT3111297007538	17.892	16.997
BÙI THỊ MAI	1960-02-01	2	HT3111297007538	17.892	16.997
BÙI THỊ MAI	1960-02-01	2	HT3111297007538	17.892	16.997
BÙI THỊ MAI	1960-02-01	2	HT3111297007538	17.892	16.997
BÙI THỊ MAI	1960-02-01	2	HT3111297007538	17.892	16.997
BÙI THỊ MAI	1960-02-01	2	HT3111297007538	53.676	50.992
ÔNG THỊ NGUYỆT	1959-06-13	2	HT3111298015168	17.892	16.997
ÔNG THỊ NGUYỆT	1959-06-13	2	HT3111298015168	17.892	16.997
ÔNG THỊ NGUYỆT	1959-06-13	2	HT3111298015168	17.892	16.997
ÔNG THỊ NGUYỆT	1959-06-13	2	HT3111298015168	17.892	16.997
ÔNG THỊ NGUYỆT	1959-06-13	2	HT3111298015168	17.892	16.997
ÔNG THỊ NGUYỆT	1959-06-13	2	HT3111298015168	17.892	16.997
ÔNG THỊ NGUYỆT	1959-06-13	2	HT3111298015168	17.892	16.997
ÔNG THỊ NGUYỆT	1959-06-13	2	HT3111298015168	17.892	16.997
ÔNG THỊ NGUYỆT	1959-06-13	2	HT3111298015168	17.892	16.997
ÔNG THỊ NGUYỆT	1959-06-13	2	HT3111298015168	17.892	16.997
ÔNG THỊ NGUYỆT	1959-06-13	2	HT3111298015168	17.892	16.997
ÔNG THỊ NGUYỆT	1959-06-13	2	HT3111298015168	17.892	16.997
ÔNG THỊ NGUYỆT	1959-06-13	2	HT3111298015168	17.892	16.997
ÔNG THỊ NGUYỆT	1959-06-13	2	HT3111298015168	17.892	16.997
ÔNG THỊ NGUYỆT	1959-06-13	2	HT3111298015168	17.892	16.997
THÀO THỊ CHANH	1982-07-06	2	DT2111120538544	5.964	5.964
THÀO THỊ CHANH	1982-07-06	2	DT2111120538544	17.892	17.892
THÀO THỊ CHANH	1982-07-06	2	DT2111120538544	17.892	17.892
THÀO THỊ CHANH	1982-07-06	2	DT2111120538544	17.892	17.892
THÀO THỊ CHANH	1982-07-06	2	DT2111120538544	17.892	17.892
THÀO THỊ CHANH	1982-07-06	2	DT2111120538544	17.892	17.892
THÀO THỊ CHANH	1982-07-06	2	DT2111120538544	17.892	17.892
THÀO THỊ CHANH	1982-07-06	2	DT2111120538544	17.892	17.892
THÀO THỊ CHANH	1982-07-06	2	DT2111120538544	17.892	17.892
THÀO THỊ CHANH	1982-07-06	2	DT2111120538544	17.892	17.892
THÀO THỊ CHANH	1982-07-06	2	DT2111120538544	17.892	17.892
THÀO THỊ CHANH	1982-07-06	2	DT2111120538544	17.892	17.892
THÀO THỊ CHANH	1982-07-06	2	DT2111120538544	17.892	17.892
THÀO THỊ CHANH	1982-07-06	2	DT2111120538544	17.892	17.892
THÀO THỊ CHANH	1982-07-06	2	DT2111120538544	17.892	17.892
TRẦN THỊ LAN	1959-12-12	2	HT3111297006414	11.928	11.332
TRẦN THỊ LAN	1959-12-12	2	HT3111297006414	11.928	11.332
TRẦN THỊ LAN	1959-12-12	2	HT3111297006414	11.928	11.332
TRẦN THỊ LAN	1959-12-12	2	HT3111297006414	11.928	11.332
TRẦN THỊ LAN	1959-12-12	2	HT3111297006414	11.928	11.332

TRẦN THỊ LAN	1959-12-12	2	HT3111297006414	11.928	11.332
TRẦN THỊ LAN	1959-12-12	2	HT3111297006414	11.928	11.332
TRẦN THỊ LAN	1959-12-12	2	HT3111297006414	11.928	11.332
TRẦN THỊ LAN	1959-12-12	2	HT3111297006414	11.928	11.332
TRẦN THỊ LAN	1959-12-12	2	HT3111297006414	11.928	11.332
TRẦN THỊ LAN	1959-12-12	2	HT3111297006414	11.928	11.332
TRẦN THỊ LAN	1959-12-12	2	HT3111297006414	11.928	11.332
LÒ THỊ THÌN	1986-06-19	2	DT2111120214736	17.892	17.892
LÒ THỊ THÌN	1986-06-19	2	DT2111120214736	17.892	17.892
LÒ THỊ THÌN	1986-06-19	2	DT2111120214736	17.892	17.892
LÒ THỊ THÌN	1986-06-19	2	DT2111120214736	17.892	17.892
LÒ THỊ THÌN	1986-06-19	2	DT2111120214736	17.892	17.892
LÒ THỊ THÌN	1986-06-19	2	DT2111120214736	17.892	17.892
LÒ THỊ THÌN	1986-06-19	2	DT2111120214736	17.892	17.892
LÒ THỊ THÌN	1986-06-19	2	DT2111120214736	17.892	17.892
LÒ THỊ THÌN	1986-06-19	2	DT2111120214736	17.892	17.892
LÒ THỊ THÌN	1986-06-19	2	DT2111120214736	17.892	17.892
LÒ THỊ THÌN	1986-06-19	2	DT2111120214736	17.892	17.892
LÒ THỊ THÌN	1986-06-19	2	DT2111120214736	17.892	17.892
NGUYỄN MINH THU	1957-03-01	1	HT2116697440933	17.892	17.892
NGUYỄN MINH THU	1957-03-01	1	HT2116697440933	17.892	17.892
NGUYỄN MINH THU	1957-03-01	1	HT2116697440933	17.892	17.892
NGUYỄN MINH THU	1957-03-01	1	HT2116697440933	17892	17.892
NGUYỄN MINH THU	1957-03-01	1	HT2116697440933	17.892	17.892
NGUYỄN MINH THU	1957-03-01	1	HT2116697440933	17.892	17.892
NGUYỄN MINH THU	1957-03-01	1	HT2116697440933	17.892	17.892
NGUYỄN MINH THU	1957-03-01	1	HT2116697440933	17.892	17.892
NGUYỄN MINH THU	1957-03-01	1	HT2116697440933	17.892	17.892
NGUYỄN MINH THU	1957-03-01	1	HT2116697440933	17.892	17.892
NGUYỄN MINH THU	1957-03-01	1	HT2116697440933	17.892	17.892
NGUYỄN MINH THU	1957-03-01	1	HT2116697440933	17.892	17.892
NGUYỄN MINH THU	1957-03-01	1	HT2116697440933	-35.784	- 35.784
LƯỜNG VĂN ĐÍCH	1937-01-01	1	HN2111120447397	17.892	17.892
LƯỜNG VĂN ĐÍCH	1937-01-01	1	HN2111120447397	17.892	17.892
LÒ THỊ TIỀN	1967-01-01	2	GD4111120238414	11.928	5.725
LÒ THỊ TIỀN	1967-01-01	2	GD4111120238414	11.928	5.725
LÒ THỊ TIỀN	1967-01-01	2	GD4111120238414	11.928	5.725
LÒ THỊ TIỀN	1967-01-01	2	GD4111120238414	11.928	5.725
LÒ THỊ TIỀN	1967-01-01	2	GD4111120238414	11.928	5.725
LÒ THỊ TIỀN	1967-01-01	2	GD4111120238414	11.928	5.725
LÒ VĂN THỜI	1964-04-15	1	DT2111120469577	11.928	11.928
LÒ VĂN THỜI	1964-04-15	1	DT2111120469577	11.928	11.928
LÒ VĂN THỜI	1964-04-15	1	DT2111120469577	11.928	11.928
LÒ VĂN THỜI	1964-04-15	1	DT2111120469577	11.928	11.928
LÒ VĂN THỜI	1964-04-15	1	DT2111120469577	11.928	11.928

[illegible]

NGUYỄN THỊ VÂN	1937-10-01	2	BT2111120628993	17.892	17.892
NGUYỄN THỊ VÂN	1937-10-01	2	BT2111120628993	17.892	17.892
NGUYỄN THỊ VÂN	1937-10-01	2	BT2111120628993	17.892	17.892
NGUYỄN THỊ VÂN	1937-10-01	2	BT2111120628993	35.784	35.784
LÒ THỊ UM	1958-02-14	2	DT2111120308213	11.928	11.928
LÒ THỊ UM	1958-02-14	2	DT2111120308213	11.928	11.928
LÒ THỊ UM	1958-02-14	2	DT2111120308213	11.928	11.928
LÒ THỊ UM	1958-02-14	2	DT2111120308213	11.928	11.928
LÒ THỊ UM	1958-02-14	2	DT2111120308213	11.928	11.928
LÒ THỊ UM	1958-02-14	2	DT2111120308213	11.928	11.928
LÒ THỊ UM	1958-02-14	2	DT2111120308213	11.928	11.928
LÒ THỊ UM	1958-02-14	2	DT2111120308213	11.928	11.928
LÒ THỊ UM	1958-02-14	2	DT2111120308213	11.928	11.928
LÒ THỊ UM	1958-02-14	2	DT2111120308213	11.928	11.928
NGUYỄN VĂN SƠN	1963-05-30	1	HC4111120016443	17.892	14.314
NGUYỄN VĂN SƠN	1963-05-30	1	HC4111120016443	17.892	14.314
NGUYỄN VĂN SƠN	1963-05-30	1	HC4111120016443	17.892	14.314
NGUYỄN VĂN SƠN	1963-05-30	1	HC4111120016443	17.892	14.314
NGUYỄN VĂN SƠN	1963-05-30	1	HC4111120016443	17.892	14.314
NGUYỄN VĂN SƠN	1963-05-30	1	HC4111120016443	17.892	14.314
NGUYỄN VĂN SƠN	1963-05-30	1	HC4111120016443	17.892	14.314
NGUYỄN VĂN SƠN	1963-05-30	1	HC4111120016443	17.892	14.314
NGUYỄN VĂN SƠN	1963-05-30	1	HC4111120016443	17.892	14.314
NGUYỄN VĂN SƠN	1963-05-30	1	HC4111120016443	17.892	14.314
NGUYỄN VĂN SƠN	1963-05-30	1	HC4111120016443	17.892	14.314
NGUYỄN VĂN SƠN	1963-05-30	1	HC4111120016443	17.892	14.314
NGUYỄN VĂN SƠN	1963-05-30	1	HC4111120016443	17.892	14.314
LÒ VĂN TUẤN	1986-05-04	1	DN4111116003646	17.892	14.314
LÒ VĂN TUẤN	1986-05-04	1	DN4111116003646	-17.892	- 14.314
NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	1958-03-25	1	GD4111120003633	17.892	14.314
NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	1958-03-25	1	GD4111120003633	17.892	14.314
NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	1958-03-25	1	GD4111120003633	17.892	14.314
NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	1958-03-25	1	GD4111120003633	17.892	14.314
NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	1958-03-25	1	GD4111120003633	17.892	14.314
NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	1958-03-25	1	GD4111120003633	17.892	14.314
NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	1958-03-25	1	GD4111120003633	17.892	14.314
NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	1958-03-25	1	GD4111120003633	17.892	14.314
NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	1958-03-25	1	GD4111120003633	17.892	14.314
NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	1958-03-25	1	GD4111120003633	17.892	14.314
NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	1958-03-25	1	GD4111120003633	17.892	14.314
NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	1958-03-25	1	GD4111120003633	17.892	14.314
Tổng số:					2.629.289

(Bảng chữ: Hai triệu, sáu trăm hai mươi chín nghìn, hai trăm tám mươi chín đồng)

Phụ lục 2:**CHỈ ĐỊNH THANH TOÁN DỊCH VỤ KỸ THUẬT**

HO_TEN	NGAY_SINH	GIOI_TINH	MA_THE	DON_GIA_BV (đồng)	Giá thanh toán 1163 (đồng)	Chênh lệch giá (đồng)	Từ chối (đồng)	MUC_HUONG_DTL (tỷ lệ)
LÒ THỊ HOA	08/8/1997	2	DT2111120433629	2.532.000	1.961.025	570.975	570.975	100.00
NGÔ VĂN QUANG	20/8/1971	1	GD4111120449998	2.532.000	1.961.025	570.975	456.780	80.00
LÒ VĂN PÁNH	12/3/1960	1	DT2111120353864	2.532.000	1.961.025	570.975	570.975	100.00
QUÀNG VĂN DU	07/5/1982	1	DN411112000895	2.532.000	1.961.025	570.975	456.780	80.00
LÊ THỊ NGỌC LAN	30/10/1985	2	HC4111108000831	2.532.000	1.961.025	570.975	456.780	80.00
BÙI VĂN THANH	12/8/1975	1	GB4111120355471	2.532.000	1.961.025	570.975	456.780	80.00
PHẠM THỊ GẦM	09/5/1980	2	GD4111120002898	2.532.000	1.961.025	570.975	456.780	80.00
ĐỖ XUÂN TUẤN	25/10/1960	1	HT3111297013160	2.532.000	1.961.025	570.975	542.426	95.00
Tổng số:							3.968.276	

(Bằng chữ: Ba triệu, chín trăm sáu mươi tám nghìn, hai trăm bảy mươi sáu đồng)